

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh V, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Đ. Địa chỉ: Xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Điện Hoà, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Mai L. (có mặt)

Chị Trương Hà P, sinh năm 1998. Địa chỉ: quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà P: Bà Nguyễn Thị Ngọc A. (có mặt)

Người kháng cáo: Ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày :

Năm 2015, Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ đã lấy đất của gia đình ông Trương Quang H, bà Nguyễn Thị Ngọc A để mở con đường vào khu dân cư D66, diện tích 90m² trong tổng diện tích 1.222m² (gồm đất ở và đất vườn) tại thửa đất số 54(1), tờ bản đồ số 01 tại xã Đ, thị xã Đ. Trước khi mở đường, UBND xã Đ đã làm việc với gia đình ông H, thỏa thuận hoán đổi cho gia đình ông H một lô đất phía Bắc khu vườn nhà ông H diện tích khoảng 230m² (thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 23/6/2015).

Sau khi thỏa thuận hoán đổi đất, gia đình ông H đã tháo dỡ hàng rào để giao đất cho UBND xã Đ làm đường vào khu dân cư D66, nhưng UBND xã Điện Hoà không thực hiện việc giao đất cho hộ ông H như thoả thuận tại Biên bản làm việc ngày 23/6/2015. Gia đình ông H đã làm đơn gửi đến UBND xã Đ và UBND thị xã Đ nhưng không được giải quyết. Gần đây nhất là vào ngày 22/5/2020, tại buổi làm việc giữa UBND xã Đ với gia đình ông H cũng không có kết quả; về phía UBND thị xã Đ lại cho rằng đã nhận đơn của gia đình ông H và có ý kiến chỉ đạo bằng Công văn số 726/UBND ngày 01/4/2020 yêu cầu UBND xã Đ có hướng đề xuất trình UBND thị xã Đ xem xét, chỉ đạo và báo cáo kết quả trước ngày 10/4/2020 nhưng đến nay vẫn không có kết quả trả lời cho gia đình ông H.

Chủ tịch UBND xã Đ hứa hẹn sẽ giải quyết đúng pháp luật về trình tự thủ tục khi lấy đất của người dân nên gia đình ông H đã bàn giao đất cho Nhà nước

để làm đường nhưng đến nay vẫn chưa được đổi đất theo thỏa thuận trước đây. Ủy ban nhân dân xã Điện Hoà vi phạm pháp luật thì UBND thị xã Đ là cơ quan cấp trên phải đứng ra chịu trách nhiệm khi cấp dưới sai phạm. Lẽ ra khi mở đường lấy đất của dân, theo quy định pháp luật phải có quyết định thu hồi đất, thẩm quyền này UBND thị xã Đ chưa làm thì nay phải đứng ra thay cho UBND xã Đ giải quyết cho người dân theo quy định pháp luật. Việc lấy đất của gia đình ông H không có quyết định thu hồi đất theo quy định của luật đất đai, hành vi trái pháp luật của UBND thị xã Đ đã xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông H. Do đó, ông H, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc UBND thị xã Đ phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất 90 m² trong tổng diện tích 1.222m² (gồm đất ở và đất vườn) tại thửa số 54 (1), tờ bản đồ số 01 tại xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A theo đúng quy định pháp luật; buộc UBND thị xã Đ bồi thường cho hộ gia đình ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A theo nội dung thỏa thuận tại Biên bản làm việc do UBND xã Đ lập ngày 23/6/2015.

Ngày 05/11/2020 và ngày 17/11/2020, ông H, bà A có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu buộc UBND thị xã Đ giải quyết chính sách thuế chuyển mục đích sử dụng theo các quyết định của UBND tỉnh Quảng Nam có từ năm 2017 trở về trước; đề nghị bồi thường 2.000.000.000 đồng (tương đương giá trị lô số 41 tại khu dân cư D66). Trường hợp UBND xã Đ không giải quyết được các vấn đề trên, yêu cầu UBND thị xã Đ chuyển đổi mục đích sử dụng đất toàn bộ diện tích 1.222m² cho gia đình ông đúng quy định pháp luật.

Theo Công văn số 445/UBND ngày 25/3/2021 của UBND thị xã Đ, trong quá trình đối thoại và tại phiên tòa, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày như sau.

- Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất 90m² trong tổng diện tích 1.222m² (gồm đất ở và đất vườn) thuộc thửa đất số 54 (1), tờ bản đồ số 01 tại xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A thì trong trường hợp này là do hộ ông H tự nguyện hiến đất làm đường vào khu dân cư số D66, UBND thị xã Đ không có chủ trương, không có văn bản chỉ đạo thu hồi đất, bồi thường đất để mở đường, việc hoán đổi đất ở thì trái với quy định của Luật Đất đai. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 61, 62, 63, 64 và Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện.

- Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường cho hộ gia đình ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A theo nội dung thỏa thuận tại Biên bản làm việc do UBND xã Đ lập ngày 23/6/2015 thì đây là thỏa thuận giữa UBND xã Đ với hộ ông H, thỏa thuận này trái quy định tại Điều 61, 62, 63,

74 và 75 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 5, Điều 6 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. UBND thị xã Đ không liên quan đến nội dung thỏa thuận này của các đương sự. Do đó, không có căn cứ để UBND thị xã Đ phải thực hiện theo yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện.

Trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày:

UBND xã Đ làm chủ đầu tư Dự án khu dân cư D66. Dự án khu dân cư D66 xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam được UBND huyện (nay là thị xã) Đ có Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 17/4/2006 phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, đầu tư xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng xã Đ, huyện Đ và Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 26/06/2009 phê duyệt kết quả đấu giá giao quyền sử dụng đất khu dân cư D66, thôn Hà Đông, xã Đ để đầu tư cơ sở hạ tầng. Tại thời điểm ngày 23/6/2015, UBND xã Đ và hộ ông Trương Quang H lập biên bản bàn giao 90m² đất tại thửa đất số 54(1), tờ bản đồ số 1, xã Đ cho UBND xã Đ để làm đường, thì diện tích 90m² đất này không nằm trong vị trí Dự án khu dân cư D66 xã Đ, thị xã Đ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, để có đường đi lại trong khu dân cư D66 nên UBND xã Đ hoán đổi đất với hộ ông H để làm đường giao thông đi vào khu dân cư.

Liên quan đến việc hoán đổi đất giữa UBND xã Đ và người khởi kiện qua từng giai đoạn cụ thể như sau:

1/ Năm 2011, UBND xã Đ chủ trương đầu tư đường bê tông nông thôn cho khu dân cư D66 với bề rộng đường B = 4,0m, chiều dài tuyến đường L = 48m. Thực hiện tuyến đường này, có ảnh hưởng đến đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Trương Quang H là 84m² (đất vườn) và ông Trương Quang B là 108m² (đất vườn). Ngày 17/9/2011, UBND xã Đ tổ chức buổi làm việc với 02 hộ gia đình này. Nội dung biên bản làm việc ngày 17/9/2011 thể hiện: Hai bên thống nhất đổi đất, như sau: Ông H giao cho UBND xã Đ 84m² đất vườn) để làm đường và UBND xã Đ chịu trách nhiệm lập thủ tục cấp lại 01 lô đất ở tại vị trí khu dân cư D66 với diện tích từ 210m² đến 230m².

2/ Theo Biên bản làm việc ngày 18/6/2012 UBND xã Đ tiếp tục tổ chức làm việc với hộ ông H tại buổi làm việc UBND xã Đ thống nhất với hộ gia đình về đất để đổi và bán đất, cụ thể: UBND xã lập thủ tục cấp 01 lô, tại vị trí lô số 47 (Theo bản đồ quy hoạch) với diện tích 210m² đến 230m² cho ông H. Ngoài ra, nếu ông H có nhu cầu thì UBND xã sẽ bán 03 lô đất (lô số 48, lô số 49 và lô số 50) theo giá quy định. UBND xã Đ chịu trách nhiệm xúc tiến lập hồ sơ thu hồi đất và hồ sơ cấp đất theo Biên bản làm việc ngày 17/9/2011. Khi có giá đất

được UBND huyện Đ (nay thị xã Đ) thì hai bên lập thủ tục mua bán đất theo quy định.

3/ Do ông H và ông B chưa bàn giao mặt bằng để làm đường và có thay đổi vị trí đổi đất, cho hai hộ gia đình trên. Nên ngày 09/9/2014, UBND xã Đ tổ chức buổi làm việc để vận động bàn giao mặt bằng và thống nhất lại vị trí đất đổi đất, tại buổi làm việc ông H (vắng) và ông B có mặt.

Năm 2015, ông H và ông B tự tháo dỡ vật kiến trúc trên đất và bàn giao mặt bằng cho UBND xã, theo tinh thần cam kết tại các Biên bản làm việc nêu trên. Khi nhận mặt bằng, UBND xã Đ tổ chức thi công tuyến đường trên. Hiện nay công trình đã thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2015.

4/ Khi tuyến đường trên đưa vào sử dụng, nhưng việc đổi đất cho ông H và ông B chưa thực hiện. Nên, ngày 14/5/2018, 02 hộ này gửi đơn đến UBND xã Đ về kiến nghị giải quyết về đổi đất. Ngày 23/5/2018, UBND xã Đ tổ chức buổi làm việc với đại diện hộ gia đình ông H và ông B. Tại buổi làm việc, UBND xã Đ chưa có hướng giải quyết cho người dân theo những cam kết trước đây của UBND xã Đ.

Ngày 28/08/2019, UBND xã Đ có Báo cáo số 37/BC-UBND về việc giải quyết đơn của vợ chồng ông H và bà A. Ngày 09/10/2019, UBND xã Đ có lập hồ sơ trình UBND thị xã Đ xin giao đất cho hộ ông H. Ngày 19/7/2019 ông H và bà A có đơn kiến nghị gửi đến UBND thị xã Đ. Thực hiện Phiếu chuyển số 189/PC-UBND và Phiếu chuyển số 190/PC-UBND ngày 31/10/2013 của UBND thị xã Đ về việc kiểm tra giải quyết đơn của ông H. Ngày 05/12/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ mời UBND xã Đ tiến hành họp và UBND xã Đ có Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 31/12/2019 báo cáo vướng mắc về việc mở đường giao thông nông thôn từ năm 2011 đến nay gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ. Đến ngày 16/3/2020, UBND xã Đ có Báo cáo số 15/BC-UBND về việc giải quyết đơn của ông H và bà A. Ngày 25/3/2020, UBND xã Đ có Báo cáo số 18/BC-UBND về các vướng mắc trong giải quyết đơn thư liên quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 10/4/2020, UBND xã Đ có Báo cáo số 24/BC-UBND về việc giải quyết đơn của ông H và bà A đổi đất mở đường giao thông nông thôn từ năm 2011 đến nay. Ngày 22/5/2020, UBND xã Đ tổ chức cuộc họp mời phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai Đ họp để giải quyết trường hợp này. Ngày 27/5/2020, UBND xã Đ có Báo cáo số 33/BC-UBND về việc giải quyết đơn của ông H và bà A đổi đất mở đường giao thông nông thôn từ năm 2011 đến nay. Tuy nhiên UBND thị xã Đ và UBND xã Đ vẫn chưa có hướng giải quyết cho người dân theo biên bản cam kết trước đây.

Trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của chị Trương Hà P trình bày:

Thông nhất với trình bày của người khởi kiện nhưng gia đình ông H không phải tự nguyện hiến đất để làm đường mà chỉ thỏa thuận hoán đổi đất với UBND xã Đ theo Biên bản do UBND xã Đ lập ngày 23/6/2015.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

[1] Căn cứ Điều 165, khoản 2 Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Trương Quang H, bà Nguyễn Thị Ngọc A về yêu cầu buộc UBND thị xã Đ giải quyết chính sách thuế chuyển mục đích sử dụng theo các quyết định của UBND tỉnh Quảng Nam có từ năm 2017 trở về trước; đề nghị bồi thường 2.000.000.000 đồng (tương đương giá trị lô số 41 tại khu dân cư D66). Trường hợp UBND xã Đ không giải quyết được các vấn đề trên, yêu cầu UBND thị xã Đ chuyển đổi mục đích sử dụng đất toàn bộ diện tích 1.222m² cho gia đình ông H, bà A theo đúng quy định pháp luật. Ông H, bà A có quyền khởi kiện lại các nội dung trên theo quy định pháp luật.

[2] Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 16, khoản 3 Điều 45, Điều 62, Điều 63, Điều 69, Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất 90m² trong tổng diện tích 1.222m² (gồm đất ở và đất vườn) tại thửa số 54(1), tờ bản đồ số 1 xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A theo đúng quy định pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường cho hộ gia đình ông H và bà A theo nội dung thỏa thuận tại Biên bản làm việc do UBND xã Đ lập ngày 23/6/2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 06/7/2021, người khởi kiện - ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A (sau đây gọi là người khởi kiện) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện để buộc: Ủy ban nhân dân thị xã Đ phải ban hành Quyết định thu hồi 90m² đất cho hộ gia đình ông tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 01 của xã Đ, thị xã Đ và bồi thường cho gia đình ông một lô đất diện tích khoảng 230m² liền kề về phía bắc đối với thửa đất của người khởi kiện; ngày 12/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 15/QĐ-VKS-HC kháng

ngị Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và đề nghị hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu như trên; Kiểm sát viên rút Quyết định kháng nghị; người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của người khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Phiên tòa phúc thẩm được triệu tập lần thứ nhất, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo và người liên quan đến nội dung kháng cáo có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện đề nghị buộc: Ủy ban nhân dân thị xã Đ phải ban hành Quyết định thu hồi 90m² đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 01 của xã Đ, thị xã Đ và bồi thường cho gia đình người khởi kiện một lô đất diện tích khoảng 230m² thì thấy:

[3.1]. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 17/4/2006, Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) ban hành Quyết định số 622/QĐ-UBND phê duyệt phương án đầu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, đầu tư xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng xã Đ, thị xã Đ. Ngày 26/6/2009, Ủy ban nhân dân thị xã Đ ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đầu giá giao quyền sử dụng đất khu dân cư D66, thôn Hà Đông, xã Đ để đầu tư cơ sở hạ tầng đối với 22 hộ dân. Năm 2012, Ủy ban nhân dân xã Đ tiếp tục triển khai đầu giá quyền sử dụng đất đối với dự án khu dân cư D66, thôn Hà Đông, xã Đ, được

UBND thị xã Đ phê duyệt kết quả đấu giá đối với 14 lô đất, diện tích 3.114,1m². Theo sơ đồ khu dân cư D66 do Ủy ban nhân dân xã Đ cung cấp thể hiện không có vị trí diện tích đất nào thuộc diện tích 1.222m² (gồm đất ở và đất vườn) tại thửa số 54 (1), tờ bản đồ số 1 xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam của ông Trương Quang H, bà Nguyễn Thị Ngọc A có trong bản đồ quy hoạch khu dân cư D66. Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân thị xã Đ đều xác nhận diện tích 90m² đất mà ông H, bà A đang khởi kiện yêu cầu thu hồi đất không nằm trong quy hoạch dự án khu dân cư D66.

[3.2]. Theo nội dung thể hiện tại các Biên bản làm việc ngày 17/9/2011 và ngày 23/6/2015, giữa Ủy ban nhân dân xã Đ với hộ ông H thì Ủy ban nhân dân xã Đ có chủ trương mở thêm đường vào khu dân cư D66 đi ngang qua một phần diện tích đất của gia đình hộ ông H đang sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là năm 2011. Ông H giao cho Ủy ban nhân dân xã Đ 84m² đất vườn để làm đường và Ủy ban nhân dân xã Đ chịu trách nhiệm lập thủ tục cấp lại 01 lô đất ở tại vị trí khu dân cư D66 với diện tích từ 210m² đến 230m² cho ông H. Năm 2015, hộ ông H chính thức giao 90m² đất cho Ủy ban nhân dân xã Đ để mở đường. Việc tự thỏa thuận hoán đổi đất giữa Ủy ban nhân dân xã Đ với hộ ông H là không đúng với quy định của pháp luật về quản lý đất đai vì Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013 không có quy định nào cho phép Ủy ban nhân dân xã được thỏa thuận hoán đổi đất ở thuộc quyền sử dụng của cá nhân với đất do Nhà nước quản lý, mà chỉ có quy định về thu hồi và bồi thường đất theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 63, 66, 68, 69 Luật đất đai năm 2013 nên Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện đề nghị buộc: Ủy ban nhân dân thị xã Đ phải ban hành Quyết định thu hồi 90m² đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 01 của xã Đ, thị xã Đ và bồi thường cho gia đình người khởi kiện một lô đất diện tích khoảng 230m² là có căn cứ, đúng quy định của Luật đất đai năm 2013. Người khởi kiện đã giao 90m² đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 01 cho Ủy ban nhân dân xã Đ để làm đường và đưa vào sử dụng cho khu dân cư nên người khởi kiện có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ phải giải quyết hậu quả theo quy định của pháp luật.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện đề nghị buộc: Ủy ban nhân dân thị xã Đ phải ban hành Quyết định thu hồi 90m² đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 01 của xã Đ, thị xã Đ và bồi thường cho gia đình người khởi kiện một lô đất diện tích khoảng 230m² là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[5]. Do bị bác kháng cáo nên ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 45 và các Điều 62, 63, 66, 68, 69 Luật Đất đai năm 2013;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất 90m² trong tổng diện tích 1.222m² (gồm đất ở và đất vườn) tại thửa số 54(1), tờ bản đồ số 1 xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam của hộ ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A theo đúng quy định pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân thị xã Đ bồi thường cho hộ gia đình ông H và bà A theo nội dung thỏa thuận tại Biên bản làm việc do UBND xã Đ lập ngày 23/6/2015.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002688 ngày 15/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (do bà Lê Thị Bộ nộp thay).

3. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm và án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2021/HC-ST ngày 28/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Dương sự;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến

